

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/KDTM-PT
Ngày 17 - 1 - 2022
V/v tranh chấp hợp đồng kinh tế

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Hùng

Các Thẩm phán: Ông Trương Thanh Dũng

Bà Châu Minh Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồng Thị Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Út Mười - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ L số 01/2021/TLPT-KDTM ngày 01 tháng 04 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng kinh tế.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 06/2020/KDTM-ST ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 02/2021/QĐ-PT ngày 04 tháng 05 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Tư vấn và Đầu tư Xây dựng Đ. Trụ sở: Số, đường Nguyễn Văn L, Khóm, Phường, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Đ, sinh năm 1977- Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Đ: Ông Lữ Minh T - SN 1966. Địa chỉ: ấp A, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Tư vấn và Đầu tư Xây dựng Đ: Ông Lâm Quốc T là Luật sư Công ty Luật hợp danh T – thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bạc Liêu.

Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Beton H. Trụ sở: Số, đường, phường H, quận N, Thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thái H - Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lâm Thanh T - sinh năm 1969.

Địa chỉ: Số , khu vực , đường V, phường A, quận N, Thành phố Cần Thơ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Công ty cổ phần Xi Măng T. Trụ sở: , Quốc Lộ , phường P, quận M, Thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Mai T3 - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Mai T3:

+ Ông Trần Văn T4, sinh năm 1964 - Chức vụ: Kế toán trưởng – Công ty cổ phần Xi măng T. Địa chỉ: Số , N, phường A, quận N, Thành phố Cần Thơ.

+ Ông Mai Công N – SN 1962. ĐC: số , Khu dân cư A, Quận N, Thành phố Cần Thơ.

2. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ1. Trụ sở: Số , đường T, phường A, quận B, Thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Đình L – Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trịnh Đình L: Ông Đặng Trọng T4 – sinh năm 1971. Địa chỉ: Số , đường C, phường B, quận B, Thành phố Cần Thơ.

- *Người kháng cáo:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn Tư vấn và Đầu tư Xây dựng Đ.

(Ông T vắng mặt, các đương sự khác có mặt tại phiên tòa.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Tư vấn và Đầu tư Xây dựng Đ (gọi tắt là Công ty Đ) do ông Trần Đ đại diện theo pháp luật trình bày:

Ngày 24/01/2014 Công ty Đ có ký kết hợp đồng kinh tế số 24/HĐKTHH/2014 về việc mua bán xi măng với Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Beton H (gọi tắt là Công ty H). Trong quá trình mua bán xi măng xá, Công ty Đ có thanh toán tiền hàng thành từng đợt và do hợp tác lâu dài, tin tưởng vào uy tín của Công ty H nên Công ty Đ không kiểm tra chất lượng xi măng, chỉ kiểm tra về số lượng như trong hợp đồng đã ký kết, việc đảm bảo chất lượng xi măng là do Công ty H cam kết.

Hai bên mua bán xi măng kể từ thời điểm giao kết hợp đồng ngày 24/01/2014, đến tháng 10/2014, do đó Công ty Đ phát hiện xi măng xá PCB 50 Công nghiệp T mà Công ty H giao không đạt chất lượng. Phía Công ty Đ có thông báo cho Công ty H biết, nhưng Công ty H không phản hồi và không hợp tác. Từ tháng 10/2014, Công ty Đ đã ngưng mua hàng và thanh toán tiền cho Công ty H, đồng thời Công ty Đ tiến hành thử nghiệm mẫu xi măng tại trạm trộn. Căn cứ Phiếu kết quả thử nghiệm ngày 24/11/2014 của Trung tâm Thí

nghiệm và Kiểm định chất lượng công trình xây dựng Bạc Liêu cho thấy mẫu xi măng T PCB 50 không đạt tiêu chuẩn chất lượng TCVN 6206-2009 như hai bên đã thỏa T trong hợp đồng. Ngoài ra, Công ty xi măng T cũng tiến hành thử nghiệm mẫu xi măng tại trạm trộn bê tông của Công ty Đ, kết quả mẫu xi măng T PCB 50 đạt chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN 6260-2009, Công ty T cho rằng xi măng không đạt chất lượng là do Công ty Đ bảo quản xi măng quá thời hạn sử dụng.

Việc cung cấp xi măng không đúng chất lượng của Công ty H đã gây thiệt hại nghiêm trọng đến hoạt động của Công ty Đ và ảnh hưởng đến uy tín, thương hiệu của Công ty Đ đối với khách hàng.

Công ty Đ yêu cầu Công ty H bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng, cung cấp xi măng không đúng chất lượng gây thiệt hại về kinh tế và ảnh hưởng đến uy tín, danh dự, thương hiệu của Công ty Đ; thời gian thiệt hại tính từ tháng 11 năm 2014 đến tháng 11 năm 2015, cụ thể:

- Thời gian máy trộn bê tông phải ngưng hoạt động từ tháng 11/2014 đến lúc hoạt động trở lại vào tháng 11/2015 là 12 tháng, số tiền thất thoát tính theo mức lợi N bình quân là $400.000.000\text{đ}/\text{tháng} \times 12 \text{ tháng} = 4.800.000.000$ đồng.

- Tiền lương nhân công và chi phí quản L Công ty phải chi trả trong suốt thời gian xảy ra sự cố là $110.000.000\text{đ}/\text{tháng} \times 12 \text{ tháng} = 1.320.000.000$ đồng.

- Tiền bồi thường cho đội thi công là 1.200.000.000 đồng, đã bồi thường khoảng 355.000.000 đồng.

- Tiền lãi suất ngân hàng của số tiền vay 30.000.000.000 đồng để đầu tư nhà máy trộn bê tông với mức lãi suất 13%/năm: $30.000.000.000\text{đ} \times 13\%/\text{năm} \times 12 \text{ tháng} = 3.900.000.000$ đồng.

- Tiền bồi thường do thương hiệu, uy tín bị sụt giảm là 1.000.000.000 đồng.

Tổng số tiền yêu cầu bồi thường là 12.220.000.000 đồng. Tại đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 24/5/2018 và tại phiên tòa ông Trần Đ xác định rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với Công ty H về các khoản bồi thường thiệt hại sau: Số tiền thất thoát 4.800.000.000 đồng máy trộn bê tông phải ngưng hoạt động và tiền lãi suất ngân hàng là 1.950.000.000đồng. Nay chỉ yêu cầu Công ty H bồi thường tổng số tiền: 5.470.000.000 đồng.

Ông Lâm T2 đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Beton H (gọi tắt là Công ty H) trình bày:

Thống nhất lời trình bày của đại diện theo pháp luật của Công ty Đ về việc ký kết hợp đồng mua bán cũng như tất cả các điều khoản đã thỏa T giữa các bên tại hợp đồng. Nguồn gốc xi măng các bên thỏa T mua bán là của Công ty xi măng T, loại xi măng rời theo tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 6206-2009 của Công ty T, Công ty H đã giao hàng đúng chất lượng như hợp đồng đã ký kết, hàng được giao tại kho của Công ty Đ, Công ty Đ đã kiểm tra, đồng ý và xác nhận việc giao nhận hàng. Hợp đồng được thực hiện từ tháng 01/2014 đến tháng 10/2014 thì Công ty Đ không có nhu cầu đặt mua xi măng nữa và ngưng chuyển tiền cho Công ty H, hai bên đã ngưng thực hiện hợp đồng từ tháng 10/2014 đến nay. Công ty H đã thực hiện đúng hợp đồng hai bên đã giao kết và không vi

phạm bất kỳ điều khoản nào của Hợp đồng. Công ty H không có lỗi, không gây ra thiệt hại gì cho Công ty Đ. Công ty Đ còn nợ lại tiền mua xi măng của Công ty H và cho đến khi Công ty H khởi kiện yêu cầu Công ty Đ trả tiền mua xi măng vào tháng 07/2016 thì Công ty H chưa nhận được bất kỳ thông báo nào từ phía Công ty Đ về việc hàng hóa không đảm bảo chất lượng. Do các yêu cầu của Công ty Đ không có căn cứ nên Công ty H không đồng ý bồi thường số tiền 5.470.000.000 đồng theo yêu cầu của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty Cổ phần xi măng T (gọi tắt là Công ty T) trình bày:

Công ty T và Công ty H không có ký kết bất kỳ hợp đồng nào với nhau nên Công ty T không có nghĩa vụ nào liên quan trong vụ kiện, Công ty T chỉ có ký kết hợp đồng với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ(gọi tắt là Công ty Đ1) và Công ty Đ là đại L cấp I của Công ty T, Công ty Đ mua và phân phối hàng của Công ty T.

Đối với sản phẩm xi măng của Công ty Đ sử dụng thì không biết có bao nhiêu loại xi măng, có bao nhiêu phần là xi măng của T. Sản phẩm xi măng của Công ty T là đúng chất lượng, Công ty Đ từ trước đến nay không có bất kỳ phản hồi hay bất kỳ yêu cầu gì với Công ty T về chất lượng xi măng mà Công ty T cung cấp. Công ty T không liên quan gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không đồng ý với việc nguyên đơn cho rằng xi măng T không đảm bảo chất lượng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ(gọi tắt là Công ty Đ1) trình bày:

Vào năm 2013 đến năm 2016, Công ty Đ là nhà phân phối cho Công ty T, trong thời gian này công ty Đ có bán xi măng cho công ty H. Khi mua bán thì giữa Công ty Đ và Công ty H có thỏa T: Công ty H có trách nhiệm vận chuyển và nhận hàng thẳng tại kho của Công ty T. Sau khi kiểm tra hàng và nhận đủ số lượng xi măng, Công ty H trả tiền đủ cho Công ty Đ1. Sau khi mua xi măng thì Công ty H bán lại cho Công ty, cửa hàng nào khác thì Công ty Đ hoàn toàn không biết. Hiện nay Công ty Đ không còn là nhà phân phối của Công ty T nữa và các hợp đồng mua bán giữa Công ty Đ và Công ty H cũng đã hoàn tất. Do thường xuyên đi công tác và không thể ủy quyền cho người khác đi thay nên người đại diện theo pháp luật của Công ty Đ xin được vắng mặt khi Tòa án xét xử vụ án.

Từ nội dung trên, tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 06/2020/KDTM -ST ngày 25/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố B., tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

Căn cứ các Điều 5; khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 228; Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 306 Luật thương mại;

Căn cứ Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Tư vấn và Đầu tư xây dựng Đ về việc yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Beton H bồi thường số tiền 6.750.000.000 đồng.

2. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Tư vấn và Đầu tư xây dựng Đ về việc yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Beton H bồi thường thiệt hại do cung cấp xi măng T kém chất lượng với số tiền 5.470.000.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 09 tháng 10 năm 2020, nguyên đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết: Yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* *Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Công ty Đ:* Theo kết luận của Công ty V kết luận bê tông không đạt chuẩn trong đó có xác định chất lượng xi măng. Theo kết luận của Công ty kiểm định chất lượng mác bê tông Bạc Liêu xác định không đạt chất lượng. Nên việc Công ty H giao xi măng không đạt chất lượng đã làm thiệt hại cho Công ty Đ. Nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Đ.

* *Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tại phiên tòa:*

- *Về tố tụng:* Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ L vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:* Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của Công ty Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về tố tụng:

Cấp sơ thẩm khi thụ L xác định tranh chấp hợp đồng kinh tế là đúng quy định pháp luật về quan hệ tranh chấp.

Liên quan đến việc tranh chấp hợp đồng này thì tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 22/2016/KDTM-ST ngày 30/9/2016 của Tòa án nhân dân thành phố B và Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 02/2017/KDTM-PT ngày 05/4/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu đã giải quyết về nghĩa vụ thanh toán hợp đồng giữa các bên; trong quá trình giải quyết

vụ án nghĩa vụ thanh toán hợp đồng theo yêu cầu khởi kiện của Công ty H thì phía Công ty Đ có yêu cầu phản tố cho rằng Công ty H giao xi măng không đúng chất lượng; tuy nhiên, do yêu cầu phản tố của Công ty Đ sau khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, nên hai bản án nêu trên tách yêu cầu phản tố của Công ty Đ bằng vụ kiện khác. Do đó, hai bản án nêu trên chỉ mới giải quyết nghĩa vụ thanh toán hợp đồng, chưa giải quyết tranh chấp nội dung giao kết của hợp đồng.

Trong vụ án này, theo đơn khởi kiện của Công ty Đ thì các bên tranh chấp việc thực hiện nội dung giao kết của hợp đồng liên quan đến vi phạm hợp đồng về chất lượng sản phẩm dẫn đến bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện của Công ty T không thừa nhận cử nhân viên Công ty đại diện Công ty đi lấy mẫu xét nghiệm. Nhưng trong quá trình giải quyết vụ án; Công ty T là người cung cấp các tài liệu việc ông Dương T5 – Giám đốc Trung tâm bảo hành của Công ty T đi lấy mẫu và chứng kiến lấy mẫu để làm các xét nghiệm (BL 379, 423) để chứng minh cho chất lượng của xi măng do Công ty T sản xuất. Mặt khác, tại phiên tòa hôm nay, Người đại diện của Công ty H yêu cầu sử dụng các tài liệu mà Công ty T cung cấp để làm căn cứ giải quyết vụ án. Nên Hội đồng xét xử xác định các tài liệu do Công ty T cung cấp là văn bản có liên quan và là chứng cứ xem xét giải quyết của vụ kiện này.

[3] Xét kháng cáo của Công ty Đ: Thực tế giữa Công ty Đ và Công ty H có giao kết hợp đồng mua bán xi măng. Công ty Đ mua xi măng của Công ty H từ ngày 24/01/2014; loại xi măng rời do Công ty T sản xuất, chủng loại là xi măng xá PC 50 theo tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 6260-2009. Nên đây là giao dịch Hợp đồng kinh tế giữa Công ty H với Công ty Đ; còn việc Công ty H giao dịch với Công ty Đ và giữa Công ty Đ với Công ty T như thế nào là do giao kết giữa các Công ty, Công ty Đ không phải là một bên liên quan trong giao dịch về chủng loại, khối lượng, chất lượng giữa Công ty H với Công ty Đ và Công ty T mặc dù sản phẩm là của Công ty T. Tại phiên tòa hôm nay, phía Công ty Đ; Công ty H và Công ty Đ xác định khi giao dịch mua bán xi măng xá (xi măng Póc lãng) thì các bên chỉ mua bán loại PCB50. Như vậy, căn cứ vào hợp đồng kinh tế số 24/HĐKTHH/2014 ngày 24/01/2014 giữa Công ty Đ về việc mua bán xi măng với Công ty H có thỏa T tại khoản 1 Điều I của hợp đồng là xi măng theo TCVN 6260 : 2009 thì Hội đồng xét xử căn cứ vào Bộ tiêu chuẩn TCVN 6260 : 2009 để xem xét việc tranh chấp về chất lượng hàng hóa.

Theo Bộ tiêu chuẩn quốc gia TCVN 6260 : 2009 thì tại mục 4 về yêu cầu kỹ thuật được quy định tại Bảng 1 – Các chỉ tiêu chất lượng của xi măng póc lãng hỗn hợp đối với loại PC B50 thì cường độ nén 28 ngày là 50. Việc lấy mẫu giám định của Cơ quan chuyên môn phải thực hiện theo Bộ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 16:2011/BXD về sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng; đối với xi măng póc lãng hỗn hợp (TCVN 6260 : 2009) được thực hiện theo mục 3 của Bảng 1.1 – Yêu cầu kỹ thuật đối với sản phẩm, hàng hóa Clanhke xi măng và xi măng.

[3.1] Theo Hợp đồng số 24/HĐKTHH/2014 ngày 24/01/2014 thể hiện: Hình thức giao hàng là sau khi Công ty Đ đặt hàng thì trong vòng 24h Công ty H giao hàng hóa cho Công ty Đ. Silo chứa xi măng xá khối lượng 30 tấn là do Công ty H cho Công ty Đ mượn kèm với thiết bị bơm xi măng. Khi giao hàng thì Công ty H bơm trực tiếp xi măng vào bồn (BL 555-557); theo chứng từ do Nguyên đơn cung cấp thì từ tháng 01/2014 đến tháng 10/2014 giữa Công ty Đ với Công ty H giao dịch 1.559,6 tấn với giá trị 2.511.029.022đ (BL635). Như vậy, từ việc ký kết hợp đồng đến khi giao hàng thì chất lượng xi măng hoàn toàn do Công ty H chịu trách nhiệm. Căn cứ theo hợp đồng giao kết thì Công ty H phải là người chịu trách nhiệm về chất lượng, chủng loại hàng hóa khi giao hàng cho Công ty Đ.

[3.2] Ngày 25/3/2014 giữa Công ty Đ với Công ty Kinh doanh nhà G kết hợp đồng mua bán bê tông trộn sẵn, bên Công ty Kinh doanh nhà G thông báo trước cho Công ty Đ trước 12 tiếng; thời gian từng mẻ đổ không quá 1 tiếng đồng hồ; nghiệm thu trong vòng 24h (BL 96-98); giữa hai công ty giao dịch đến tháng 7/2014. Trong thời gian này theo các biên nhận giao nhận xi măng thì thể hiện Công ty Đ mua xi măng do Công ty H cung cấp.

[3.3] Ngày 23/7/2014 Công ty Kinh doanh nhà G hợp đồng với Công ty trách nhiệm hữu hạn nghiên cứu kỹ thuật và tư vấn xây dựng V (Công ty V) giám định kỹ thuật mác bê tông của 20 cột bê tông chịu lực tầng 1 Tòa nhà V11 Bạc Liêu . tháng 9/2014 Công ty V kết luận xác định cường độ bê tông chịu lực cột tầng 1 l “không bảo đảm yêu cầu về cường độ” (BL 37) bởi các nguyên nhân, trong đó có liên quan việc kiểm soát chất lượng xi măng.

[3.4] Ngày 23/10/2014 Công ty Đ yêu cầu Trung tâm thí nghiệm và kiểm định chất lượng công trình xây dựng thuộc Sở xây dựng tỉnh Bạc Liêu giám định mác xi măng PC B50 T. Ngày 21/11/2014 Trung tâm kết luận độ bền nén của xi măng chỉ đạt tối đa 34.2 của 28 ngày (Bl 379-380; 651) trong khi theo tiêu chuẩn TCVN 6260:2009 của xi măng PC B50 độ bền nén phải tương đương 50; tại Công văn số 72/TT-KĐCN ngày 22/6/2018 của Trung tâm thí nghiệm và kiểm định chất lượng công trình xây dựng thuộc Sở xây dựng tỉnh Bạc Liêu xác định kết quả mẫu thử xi măng ngày 21/11/2014 của Trung tâm không đạt chỉ tiêu cường độ nén 28 ngày theo TCVN 6260:2009 (BL 711). Như vậy, đối chiếu kết quả của 2 đơn vị độc lập là Công ty V và Trung tâm kiểm nghiệm Sở xây dựng tỉnh Bạc Liêu thì Hội đồng xét xử có căn cứ xác định xi măng mà Công ty H giao cho Công ty Đ không đủ mác về cường độ nén của PC B50 theo tiêu chuẩn TCVN 6260:2009.

Phía Công ty H cho rằng Công ty chỉ là nhà phân phối, không phải đơn vị sản xuất sản phẩm mà Công ty xi măng T mới là đơn vị sản xuất (BL500), việc lập luận của Công ty H để lần tránh trách nhiệm là không có cơ sở vì Công ty Đ chỉ ký hợp đồng với Công ty H về chủng loại, chất lượng... hàng hóa, chứ Công ty Đ không ký với Công ty T, còn việc Công ty H mua xi măng từ Công ty T hay mua xi măng T từ công ty nào khác thì Công ty H tự chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm. Do đó, căn cứ vào hợp đồng kinh tế mà Công ty Đ đã ký kết với Công ty H thì việc Công ty Đ yêu cầu Công ty H bồi thường thiệt hại là hoàn toàn có cơ sở và đúng quy định của pháp luật.

Trong vụ án này, Cấp sơ thẩm đưa Công ty T tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và Công ty T chứng minh cho rằng xi măng giao cho Công ty Đ đạt chất lượng theo kết luận của Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng Thành phố Cần Thơ thì theo tài liệu mà Công ty T cung cấp Hội đồng xét xử nhận thấy: Ngày 03/02/2015 Công ty T lấy mẫu xi măng tại trạm trộn bê tông của Công ty Đ, xi măng T mà Công ty H mua là do Công ty Đ cung cấp. Xét trình tự lấy mẫu thì Công ty xi măng T lấy 2 mẫu ngày 03/02/2015; mỗi mẫu là 5kg, Công ty T giữ 1 mẫu, Công ty Đ giữ 1 mẫu (BL 423). Việc lấy mẫu này là không đúng bản Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 16:2011/BXD; đối với xi măng phoóc lăng hỗn hợp TCVN 6260:2009 mà Công ty Đ ký kết với Công ty H thì lấy mẫu gộp tối thiểu 10kg (nếu 2 mẫu phải 20kg). Công ty T lấy mỗi mẫu chỉ 5kg tại trạm trộn bê tông của Công ty Đ (Công ty Đ giữ 1 mẫu; Công ty T giữ 1 mẫu) (BL 423). Nhưng theo phiếu kết quả thử nghiệm của Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng Thành phố Cần Thơ thì Trung tâm nhận mẫu là 10kg, trong khi Công ty T lấy mỗi mẫu chỉ 5kg chứng tỏ mẫu mà Công ty T cung cấp cho Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng Thành phố Cần Thơ khác mẫu lấy tại trạm trộn bê tông của Công ty Đ. Mặt khác, theo kết luận của Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng Thành phố Cần Thơ thì kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến (BL 426), đồng nghĩa không có ý nghĩa chứng minh tại công trình. Việc trọng lượng lấy mẫu và trọng lượng mẫu gửi giám định khác nhau, quy trình lấy mẫu trái quy định nên kết quả giám định mà Công ty T cung cấp không có giá trị chứng minh cho cường độ nén của xi măng mà Công ty H Giao cho Công ty Đ.

Đối với việc giao kết mua bán hàng hóa giữa Công ty H; Công ty Đ và Công ty T do các bên không tranh chấp về hợp đồng và không yêu cầu giải quyết trong vụ án này. Nên cấp sơ thẩm không đề cập và không xem xét là đúng quy định pháp luật.

[4] Xét về số tiền mà Công ty Đ yêu cầu Công ty H bồi thường thì Hội đồng xét xử thấy rằng: Công ty Đ yêu cầu tổng số tiền 12.220.000.000đ, ngày 24/5/2018 Công ty Đ rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 6.750.000.000đ còn yêu cầu 5.470.000.000đ gồm các khoản:

- Tiền lương và chi phí quản L Công ty 12 tháng là 1.320.000.000đ;
- Tiền bồi thường cho các đội thi công 1.200.000.000đ;
- Lãi suất vay ngân hàng của số tiền 30 tỷ x 12 tháng = $3.900.000.000/2=1.950.000.000đ$;
- Bồi thường thiệt hại do uy tính bị sút giảm 1.000.000.000đ

Đối với khoản vay 30.000.000.000 đồng của Công ty Đ thì Ngân hàng Đầu tư- Phát triển xác định Ngân hàng có giải ngân cho Công ty Đ vay 36.000.000.000 đồng nhưng không có khoản vay của Trạm trộn bê tông (BL 892). Đối với tiền lương và chi phí quản L Công ty thì việc do bê tông Công ty giao cho Công ty nhà G không đủ mác thì theo tài liệu thể hiện Công ty nhà G yêu cầu bồi thường tổng chi phí khắc phục gia cố và trừ hạ cấp mác bê tông là 296.830.000 đồng; việc Công ty Đ bồi thường là do có căn cứ chứng minh do mác xi măng không đúng theo hợp đồng, nên Công ty H có nghĩa vụ bồi thường

số tiền 296.830.000 đồng cho Công ty Đ. Đối với khoản tiền bồi thường cho đội thi công thì Công ty H và Công ty Đ vẫn mua bán xi măng đến tháng 10/2014, đồng thời sau ngày 23/7/2014 Công ty Đ vẫn kinh doanh bê tông thành phẩm. Đối với khoản tiền bồi thường do sụt giảm uy tính 1.000.000.000 đồng thì Công ty Đ không chứng minh được do sự cố với Công ty nhà G thì các đối tác khác hủy bỏ hợp đồng mua bê tông của Công ty nên yêu cầu này chưa có căn cứ.

Như vậy, Hội đồng xét xử chỉ có cơ sở buộc Công ty H bồi thường cho Công ty Đ số tiền mà Công ty Đ đã bồi thường cho Công ty nhà G là 296.830.000 đồng; không chấp nhận yêu cầu đối với các khoản tiền còn lại của Công ty Đ.

Với những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo và chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Đ, sửa một phần bản án sơ thẩm số 06/2020/KDTM-ST ngày 25/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. Buộc Công ty H có nghĩa vụ bồi thường cho Công ty Đ số tiền 296.830.000 đồng. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Đ đối với số tiền 5.173.170.000 đồng.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Quan điểm của đại diện Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay được Hội đồng xét xử ghi nhận một phần.

3. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Tư vấn và Đầu tư xây dựng Đ phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 113.173.000 đồng. Đại diện Công ty Trách nhiệm hữu hạn Tư vấn và Đầu tư xây dựng Đ đã nộp 60.110.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0002182 ngày 02 tháng 11 năm 2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu ; đối trừ án phí phải chịu, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Tư vấn và Đầu tư xây dựng Đ phải nộp thêm số tiền 53.063.000 đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu . Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên bê tông H phải nộp án phí 14.841.500 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B.

Án phí dân sự phúc thẩm: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Tư vấn và Đầu tư xây dựng Đ không phải nộp, Công ty đã nộp tạm ứng 2.000.000 đồng được hoàn lại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 5; khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 228; Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 306 Luật thương mại;

Căn cứ Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Tư vấn và Đầu tư xây dựng Đ về việc yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên bê tông H bồi thường thiệt hại do cung cấp xi măng T không đúng chất lượng theo giao kết hợp đồng.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Tư vấn và Đầu tư xây dựng Đ về việc yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên bê tông H bồi thường số tiền 6.750.000.000 đồng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Tư vấn và Đầu tư xây dựng Đ về việc yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên bê tông H bồi thường thiệt hại do cung cấp xi măng T không đúng chất lượng theo giao kết hợp đồng với số tiền 296.830.000 đồng.

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên bê tông H bồi thường thiệt hại cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Tư vấn và Đầu tư xây dựng Đ số tiền 296.830.000 đồng.

3. Không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Tư vấn và Đầu tư xây dựng Đ về việc yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên bê tông H bồi thường thiệt hại do cung cấp xi măng T không đúng chất lượng theo giao kết hợp đồng với số tiền 5.173.170.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

4. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Tư vấn và Đầu tư xây dựng Đ phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 113.173.000 đồng. Đại diện Công ty Trách nhiệm hữu hạn Tư vấn và Đầu tư xây dựng Đ đã nộp 60.110.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0002182 ngày 02 tháng 11 năm 2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu ; đối trừ án phí phải chịu, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Tư vấn và Đầu tư xây dựng Đ phải nộp thêm số tiền 53.063.000 đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu . Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên bê tông H phải nộp án phí 14.841.500 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B.

5. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Tư vấn và Đầu tư xây dựng Đ không phải nộp, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Tư vấn và Đầu tư xây dựng Đ đã nộp tạm ứng 2.000.000 đồng theo biên lai

thu tiền số 0007116 ngày 09/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B được hoàn lại.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND thành phố B;
- CCTHADS thành phố B;
- Đương sự;
- Lưu, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã Ký)

Lê Thanh Hùng